

Số:/BC-UBND

Ea Ly, ngày tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO
Công tác cải cách hành chính quý I năm 2023

Thực hiện Công văn số 193/UBND, ngày 28/02/2022 của UBND tỉnh Phú Yên về việc hướng dẫn thực hiện báo cáo CCHC định kỳ. UBND xã Ea Ly báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính quý I năm 2023 như sau:

I. Công tác chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính:

- Việc ban hành văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác CCHC: Thực hiện Nghị quyết số 76/NĐ-CP, ngày 15/7/2021 của Chính phủ về ban hành chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; UBND xã đã ban hành các Kế hoạch, Công văn chỉ đạo triển khai việc thực hiện công tác CCHC ở đơn vị ⁽¹⁾

- Tiến độ thực hiện kế hoạch cải cách hành chính: Hoàn thành 36% nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2023.

- UBND xã thực hiện tự kiểm tra công tác cải cách hành chính tại các bộ phận chuyên môn và chỉ ra một số tồn tại, hạn chế đề nghị các bộ phận chuyên môn khắc phục ngay trong quý II.

- Thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền CCHC: UBND xã đã tổ chức tuyên truyền Cải cách hành chính bằng nhiều hình thức như: treo băng rôn, khẩu hiệu(01 băng rôn), phát tờ rơi, xây dựng 01 bảng tuyên truyền tại bộ phận một cửa(nội dung tuyên truyền về 06 bước đơn giản thực hiện thủ tục hành chính); bảng 07 cách thức sử dụng thông tin của công dân thay cho sổ hộ khẩu, tuyên truyền trên mạng xã hội facebook(nội dung tuyên truyền về 06 bước đơn giản thực hiện TTHC và hướng dẫn thực hiện các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã; 07 cách thức sử dụng thông tin công dân thay cho sổ hộ khẩu), trang thông tin điện tử của xã(02 bài đăng trên trang thông tin điện tử của xã). Tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh xã(3 tin)

⁽¹⁾ Ban hành Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 09/01/2023 về công tác cải cách hành chính trên địa bàn xã Ea Ly; Kế hoạch số 09/KH-UBND, ngày 06/02/2023 về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2023; Kế hoạch số 08/KH-UBND, ngày 30/01/2023 về hoạt động kiểm soát TTHC năm 2023; Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 18/02/2023 về rà soát, đánh giá TTHC năm 2023; Kế hoạch số 05/KH-UBND, ngày 03/01/2023 về khảo sát lấy ý kiến mức độ hài lòng của người dân khi liên hệ giải quyết các thủ tục hành chính; Kế hoạch số 17/KH-UBND, ngày 23/3/2023 về chuyển đổi số và an toàn thông tin mạng năm 2023; Công văn số 13/UBND, ngày 06/3/2023 về triển khai thực hiện Thông báo số 331/TB-VPCP, ngày 19/10/2023 của Văn phòng Chính phủ; Công văn số 14/UBND, ngày 13/02/2023 về Hướng dẫn 07 cách sử dụng Thông tin của công dân thay cho sổ hộ khẩu; Công văn số 07/UBND, ngày 31/01/2023 về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính tại xã; Công văn số 08/UBND, ngày 31/01/2023 về triển khai Nghị định 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

- Hoàn thành 20% nhiệm vụ được UBND huyện giao.
- Đã xây dựng 01 sáng kiến về một số giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trang thông tin điện tử xã.
- Việc đảm bảo cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và an ninh an toàn thông tin tại cơ quan: Hạ tầng công nghệ thông tin được UBND xã đầu tư, nâng cấp: có 30 máy vi tính: 24 máy in 04 máy Scan, 02 hệ thống mạng, 05 Wifi, 02 hệ thống camera an ninh(gồm 07 camera); Trang thông tin điện tử của xã thường xuyên được cập nhật thông tin, các văn bản của UBND xã được đưa lên trang thông tin điện tử để các tổ chức, cá nhân dễ truy cập.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH:

1. Cải cách thể chế:

1.1. Kết quả xây dựng và ban hành các văn bản QPPL:

Trong quý I năm 2023 HĐND, UBND xã không ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

1.2. Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật.

UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 24/KH-UBND, ngày 09/3/2023 về theo dõi thi hành pháp luật năm 2023 và triển khai quán triệt thực hiện.

1.3. Kết quả thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

Trong quý I năm 2023 UBND xã đã chỉ đạo bộ phận Tư pháp xã chủ trì phối hợp với các ban ngành, đoàn thể xây dựng Kế hoạch và tổ chức tuyên truyền pháp luật tại các thôn, buôn và xây dựng các tin, bài tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh xã, đăng bài trên facebook, trang thông tin điện tử của xã. Đã tổ chức 06 buổi tuyên truyền tại 06 thôn buôn.

1.4. Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

- UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 25/KH-UBND, ngày 09/03/2023 về thực hiện công tác kiểm tra rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2023 trên địa bàn xã; Kế hoạch số 26/KH-UBND, ngày 09/3/2023 về triển khai công tác Tư pháp năm 2023 trên địa bàn xã; Kế hoạch số 27/KH-UBND, ngày 09/3/2023 về thực hiện công tác tuyên truyền pháp luật năm 2023.

- Tình hình ban hành thực hiện việc rà soát, hệ thống hóa VBQPPL. Kết quả xử lý các vấn đề qua quá trình rà soát: Qua rà soát trong quý I năm 2023 HĐND, UBND xã không ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Tình hình tham mưu UBND tỉnh ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung văn bản QPPL của tỉnh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị theo quy định: Không có.

- Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã Ea Ly năm 2023. Qua rà soát trong quý I năm 2023, HĐND, UBND xã không ban hành văn bản quy phạm pháp luật, không có văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực.

- UBND xã chỉ đạo bộ phận Tư pháp, Văn Phòng và các ngành có liên quan thường xuyên kiểm tra tính hợp hiến, hợp pháp của các văn bản đã ban hành tại đơn vị, đến nay chưa phát hiện văn bản nào ban hành sai quy định cũng như sai thẩm quyền.

1.3. Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

- Thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền CCHC: UBND xã đã tổ chức tuyên truyền Cải cách hành chính bằng nhiều hình thức như: treo băng rôn, khẩu hiệu(01 băng rôn), phát tờ rơi, xây dựng 01 bảng tuyên truyền tại bộ phận một cửa(nội dung tuyên truyền về 06 bước đơn giản thực hiện thủ tục hành chính); bảng 07 cách thức sử dụng thông tin của công dân thay cho sổ hộ khẩu, tuyên truyền trên mạng xã hội facebook(nội dung tuyên truyền về 06 bước đơn giản thực hiện TTHC và hướng dẫn thực hiện các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã; 07 cách thức sử dụng thông tin công dân thay cho sổ hộ khẩu), trang thông tin điện tử của xã(02 bài đăng trên trang thông tin điện tử của xã). Tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh xã(3 tin)

2. Cải cách thủ tục hành chính

- Kết quả thực hiện việc rà soát, cắt giảm, đề xuất đơn giản hóa thủ tục hành chính: UBND xã chỉ đạo bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã (Một cửa) thường xuyên cập nhật các TTHC mới do UBND tỉnh ban hành, thực hiện nghiêm phương án đơn giản hóa các thủ tục hành chính. Trong năm qua rà soát các thủ tục hành chính UBND xã không đề xuất đơn giản hóa các TTHC.

- Số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã: gồm 31 lĩnh vực với 118 thủ tục, cụ thể trên các lĩnh vực như sau: Lĩnh vực Hộ tịch(19 TTHC), Lĩnh vực Chứng thực(11 TTHC), Lĩnh vực Hòa giải cơ sở(04 TTHC), Lĩnh vực Nuôi con nuôi(02 TTHC), Lĩnh vực Phổ biến giáo dục Pháp luật(02 TTHC), Lĩnh vực thể thao(01 TTHC), Lĩnh vực Văn hóa(03 TTHC), Lĩnh vực Thư viện(01 TTHC), Lĩnh vực Môi trường(01 TTHC), Lĩnh vực Đất đai(01 TTHC), Lĩnh vực Giáo dục đào tạo(05 TTHC), Lĩnh vực Thi đua – Khen thưởng(05 TTHC), Lĩnh vực tín ngưỡng tôn giáo(10 TTHC), Lĩnh vực người có công(02 TTHC), Lĩnh vực Bảo trợ xã hội(09 TTHC), Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội (02 TTHC), Lĩnh vực Giảm nghèo (02 TTHC) , Lĩnh vực trẻ em (06 TTHC), Lĩnh vực tiếp công dân(01 TTHC) , Lĩnh vực Phòng, chống tham nhũng(05 TTHC), Lĩnh vực Xử lý đơn(01 TTHC), Lĩnh vực Khiếu nại(01 TTHC), Lĩnh vực Tố cáo(01 TTHC), Lĩnh vực Chính quyền địa phương(01 TTHC), Lĩnh vực Đường thủy nội địa(09 TTHC), Lĩnh vực Nông nghiệp(01 TTHC), Lĩnh vực Phòng chống thiên tai(05 TTHC), Lĩnh vực Dân số(01 TTHC), Lĩnh vực Thủy lợi(03 TTHC), Lĩnh vực Trồng trọt(01 TTHC).

- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC: việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ tại UBND xã thực hiện theo Quy chế tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại UBND xã.

- Phòng làm việc của bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả được trang bị các trang thiết bị như máy tính, máy in, máy Scan và bố trí chỗ ngồi cho công dân đến

liên hệ công việc(đảm bảo theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP, ngày 24/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính). Bố trí 03 công chức phụ trách kiêm nhiệm làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

- Việc thực hiện số hóa kết quả giải quyết hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã: UBND xã đã xây dựng Kế hoạch số 31/KH-UBND, ngày 29/3/2021 về thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã và Kế hoạch số 53/KH-UBND, ngày 07/6/2022 của UBND xã về sửa đổi, bổ sung kế hoạch số 31/KH-UBND, ngày 29/3/2021. Đã triển khai thực hiện số hóa dữ liệu hồ tịch và tiến hành số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính năm 2023.

- Kết quả giải quyết TTHC của UBND xã(theo biểu thông kê đính kèm).

- Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: Trong quý I năm 2023 không có tổ chức, cá nhân gửi phản ánh, kiến nghị liên quan đến các thủ tục hành chính.

- Kết quả thực hiện đánh giá chất lượng giải quyết TTHC: việc thực hiện khảo sát ý kiến đánh giá của các tổ chức, cá nhân về chất lượng giải quyết TTHC (theo Quyết định số 1435/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 của UBND tỉnh): Khi công dân đến liên hệ thực hiện các thủ tục hành chính tại xã, các bộ phận chuyên môn đã thực hiện phát phiếu khảo sát ý kiến đánh giá của các tổ chức, cá nhân về chất lượng giải quyết các TTHC theo Quyết định số 1435/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 của UBND tỉnh. Trong quý I năm 2023 đã phát 256 phiếu đánh giá thủ tục hành chính.

3. Cải cách tổ chức bộ máy:

3.1. Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan hành chính nhà nước.

Thực hiện tốt việc quán triệt đến cán bộ, đảng viên trong đơn vị các văn bản liên quan đến công tác tổ chức bộ máy nhà nước như: Luật Cán bộ công chức và các Nghị định có liên quan về công tác cán bộ.

Sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức đúng với trình độ chuyên môn đào tạo, phân công rõ chức năng nhiệm vụ được giao, tăng cường tính chuyên nghiệp hóa của đội ngũ cán bộ, công chức.

3.2. Tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức:

Hiện tại UBND xã sử dụng 20/22 biên chế cán bộ, công chức(không tính công an chính quy; 02 cán bộ thuộc đề án 500).Thực hiện tốt công tác đánh giá chất lượng cán bộ, công chức hàng năm thường xuyên cử cán bộ, công chức tham gia các lớp bồi dưỡng trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

3.3. Kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý:

Xác định rõ nguyên tắc quản lý cán bộ, công chức, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, các quy định của pháp luật, UBND xã Ea Ly luôn đảm bảo tính ổn định trong bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, từng bước chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức theo quy định của Chính phủ, Bộ Nội vụ, các Bộ, ngành Trung ương có liên quan và đảm bảo phù hợp với đặc điểm tình hình thực tiễn của địa phương.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Kết quả xây dựng, ban hành và thực hiện các quy định về vị trí việc làm của công chức: Thực hiện bố trí công chức cấp xã theo đúng vị trí việc làm, đúng chuyên ngành đào tạo phù hợp với quy định tại quyết định số 02/2018/QĐ-UBND, ngày 19/01/2018 của UBND tỉnh Phú Yên về ban hành quy định các ngành đào tạo phù hợp với các chức danh công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

- Kết quả tuyển dụng công chức: Không có.

- Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức: không có.

- Kết quả thi nâng ngạch công chức: không có.

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức: Cán bộ, công chức xã luôn chấp hành nghiêm chỉnh Chỉ thị 23-CT/TU ngày 03/06/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị;

- Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng công chức: Cử cán bộ, công chức tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, bồi dưỡng do cấp trên tổ chức. Cử công chức tham gia các lớp tập huấn do tỉnh tổ chức và cử đầy đủ công chức tham gia các lớp tập huấn do huyện tổ chức.

5. Cải cách tài chính công:

- Thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về quản lý tài chính – ngân sách tại cơ quan, chi đầy đủ về chính sách tiền lương, chế độ phụ cấp và bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho cán bộ, công chức.

- Thực hiện dự toán thu – chi ngân sách nhà nước theo kế hoạch huyện giao.

- Kết quả thực hiện giải ngân vốn đầu tư công: 150.000.000 đ.

- Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách: Trong quý không có đoàn thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính ngân sách kiểm tra tại xã.

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: UBND xã đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ cơ quan, trong đó quy định các chế độ về hội họp, đầu ỏm, công tác phí..., mọi hoạt động đều thực hiện dựa trên Quy chế đã ban hành và các quy định của pháp luật. Ban hành quy chế quản lý tài sản công tại cơ quan, yêu cầu cán bộ, công chức thực hiện đúng theo quy chế.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số.

- UBND xã đã ban hành các Kế hoạch, Công văn chỉ đạo việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành nhằm xây dựng chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động, phục vụ nhân dân và doanh nghiệp trên địa bàn xã. Tập trung nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và nâng cao kỹ năng ứng dụng khoa học công nghệ cho đội ngũ CBCCC.

- Việc triển khai thực hiện Quy chế làm việc trên môi trường điện tử theo quy định tại Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 31/01/2022 của UBND tỉnh: UBND xã đã tiến hành lập hồ sơ điện tử để quản lý công văn đi, công văn đến; lập hồ sơ lưu trữ điện tử tại các tài khoản cá nhân của cán bộ, công chức; Các văn bản đến được UBND xã lưu trữ trên hệ thống và chuyển đến các tài khoản để tham mưu xử lý văn bản; các văn bản đi được cán bộ, công chức soạn thảo chuyển trình ký trên hệ thống, lãnh đạo UBND xã thực hiện ký số và chuyển cho văn thư phát hành văn bản điện tử theo quy định. Thực hiện tham gia các cuộc họp trực tuyến trên các nền tảng Microsoft Team, Google Meet ... Thực hiện mã hóa tài liệu các cuộc họp để các thành viên dự họp truy cập vào hệ thống phần mềm hoặc quét mã QR Code để xem tài liệu nhằm khắc phục việc sử dụng văn bản giấy trong cuộc họp.

- Tỷ lệ cán bộ, công chức xã thường xuyên sử dụng thư điện tử công vụ trong công việc: 100%

- Tình hình xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng: Thực hiện xử lý văn bản, hồ sơ trên môi trường mạng, quán triệt cán bộ, công chức xã thực hiện sử dụng hệ thống quản lý văn bản điều hành của UBND huyện, hiện tại xã có 30 tài khoản trên hệ thống quản lý văn bản của huyện; Việc kết nối gửi, nhận văn bản điện tử trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành huyện được thực hiện thường xuyên, UBND xã đã quán triệt cán bộ, công chức xã thực hiện dự thảo các văn bản trên hệ thống để chuyển lãnh đạo UBND xã ký số và ban hành văn bản điện tử, hạn chế thấp nhất việc sử dụng văn bản giấy. Tính đến ngày 13/3/2023 UBND xã đã nhận 416 văn bản đến, đã ban hành 110 văn bản đi dưới dạng điện tử (58 văn bản liên thông, 52 văn bản ban hành nội bộ)

- Tỷ lệ TTHC được cung cấp trực tuyến mức độ 3 mức độ 4 đã triển khai có phát sinh hồ sơ trong quý I năm 2023 03/28 đạt 10,71%; tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 theo quy định: 05/98 đạt 5,1%.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHỐI HỢP THAM MUÙ, THỰC HIỆN NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC CCHC, CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ KINH DOANH CỦA TỈNH

1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công của tỉnh (PAPI)

Xác định rõ những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, thiết thực để nâng cao hiệu quả công tác điều hành, quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công góp phần xây dựng nền hành chính kỷ cương, hiện đại, công khai, trong sạch; lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm để phục vụ; nâng cao chất lượng phục vụ và uy tín của chính quyền đối với nhân dân góp phần cải thiện kết quả Chỉ số PAPI của tỉnh Phú

Yên. UBND xã Ea Ly đã triển khai nhiều nhiệm vụ nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công. Cụ thể:

1.1. Việc tuyên truyền sâu rộng đến từng thôn, buôn, cụm dân cư, đến từng người dân về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và việc tổ chức có bao nhiêu tỷ lệ người dân được tham gia

UBND xã đã tổ chức tuyên truyền Cải cách hành chính bằng nhiều hình thức như: treo băng rôn, khẩu hiệu(01 băng rôn), phát tờ rơi, xây dựng 01 bảng tuyên truyền tại bộ phận một cửa(nội dung tuyên truyền về 06 bước đơn giản thực hiện thủ tục hành chính); bảng 07 cách thức sử dụng thông tin của công dân thay cho sổ hộ khẩu, tuyên truyền trên mạng xã hội facebook(nội dung tuyên truyền về 06 bước đơn giản thực hiện TTHC và hướng dẫn thực hiện các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã; 07 cách thức sử dụng thông tin công dân thay cho sổ hộ khẩu), trang thông tin điện tử của xã(02 bài đăng trên trang thông tin điện tử của xã). Tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh xã(3 tin)

1.2. Việc huy động người dân tham gia các khoản đóng góp tự nguyện và sự tham gia của người dân trong việc giám sát đầu tư, xây dựng các công trình cộng đồng từ vốn góp của người dân

Thực hiện huy động nguồn lực đóng góp trong nhân dân để xây dựng các tuyến đường bê tông nông thôn.

1.3. Việc công khai, minh bạch đối với người dân theo quy định; trọng tâm là công khai ngân sách xã và các khoản thu khác ở khu dân cư

UBND xã thực hiện Công khai dự toán ngân sách năm 2023, tổ chức thực hiện công khai ngân sách xã và các khoản thu khác ở khu dân cư tại bảng niêm yết công khai tại UBND xã, vị trí công khai dễ nhìn, người dân dễ tiếp cận. Thời gian niêm yết công khai là: 30 ngày.

1.4. Công khai tiêu chí xét hộ nghèo, danh sách hộ nghèo và các chính sách xã hội cho hộ nghèo

Việc công khai tiêu chí xét hộ nghèo, danh sách hộ nghèo và các chính sách xã hội cho hộ nghèo thực hiện theo Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 03/10/2022 về tổ chức rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2023 và các quy định pháp luật hiện hành.

Cụ thể: sau khi có Kế hoạch điều tra hộ nghèo Ban nhân dân các thôn, buôn tuyên truyền và thông báo các tiêu chí bình xét hộ nghèo đến toàn thể người dân, cán bộ phụ trách Đài truyền thanh xã tuyên truyền các tiêu chí bình xét hộ nghèo trên hệ thống đài truyền thanh xã. Ban nhân dân các thôn, buôn tiến hành họp rà soát các đối tượng được hỗ trợ và tổ chức họp bình xét công khai các chính sách dành cho hộ nghèo, cận nghèo. Sau khi họp bình xét Ban nhân dân các thôn, buôn gửi danh sách lên UBND xã tiến hành họp Ban chỉ đạo để thống nhất kết quả bình xét của các thôn, buôn sau đó tiến hành niêm yết công khai tại nhà văn hóa các thôn, buôn và trụ sở UBND xã theo đúng quy định.

1.5. Công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giá đất hàng năm

Thực hiện công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất bằng hình thức thông báo công khai trong thời gian 30 ngày và niêm yết công khai tại UBND xã và nhà văn hóa các thôn, buôn.

1.6. Công khai kế hoạch đầu tư các dự án trên địa bàn; kết quả xử lý các vụ việc qua giám sát ở khu dân cư

UBND xã thực hiện Công khai các dự án đầu tư trên địa bàn xã như: Công trình sửa chữa nhà văn hóa thôn Tân Lập.

1.7. Việc thực hiện tiếp công dân định kỳ; việc bố trí người đủ thẩm quyền tiếp công dân; việc tăng cường đối thoại giải quyết những kiến nghị của nhân dân và giải trình với người dân theo quy định

Tiếp định kỳ: Duy trì, thường xuyên công tác tiếp công dân theo quy định 1 tuần/1 lần. Tiếp đột xuất: không; Ủy quyền tiếp công dân: không

Bộ phận tiếp công dân xã: Tiếp thường xuyên các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 (Trừ các ngày lễ, nghỉ tết). Tính đến ngày 13/3/2023 bộ phận tiếp công dân đã tiếp nhận 01 lượt công dân đến liên hệ tại bộ phận tiếp công dân. Có 01 kiến nghị của công dân. Chủ tịch UBND xã đã tiếp 09 lượt tiếp công dân(không có kiến nghị của công dân).

Thực hiện tiếp xúc, đối thoại với nhân dân thông qua việc tiếp xúc cử tri trước và sau các kỳ họp của HĐND.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh(PCI)

UBND xã đã triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của thiện và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh(PCI) như: triển khai công khai các dự toán các công trình, công khai dự toán, quyết toán ngân sách. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh, thu hút đầu tư các doanh nghiệp đầu tư các trang trại chăn nuôi trên địa bàn xã.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

Trong thời gian qua dưới sự quan tâm chỉ đạo của các cấp, các ngành, công tác cải cách hành chính tại xã đã có bước phát triển đáng kể như: TTHC được công khai minh bạch, rõ ràng, giải quyết các thủ tục hành chính đúng theo quy định của pháp luật, việc thực hiện cơ chế một cửa tại UBND xã đã có những chuyển biến tích cực trong thực hiện TTHC; giảm tình trạng công dân phải đi lại nhiều lần để giải quyết công việc, từng bước xây dựng nền hành chính phục vụ nhân dân.

Kỷ luật, kỷ cương hành chính và ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức từng bước được nâng lên, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết công việc.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân:

Các TTHC thường xuyên được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã nhưng UBND xã chưa được cập nhật kịp thời dẫn đến việc giải quyết các thủ tục hành chính tại địa phương còn

nhiều bất cập, lúng túng, đôi khi có sai sót.

Hệ thống máy móc, trang thiết bị phục vụ cho công tác xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số còn thiếu, chưa đáp ứng được nhu cầu công việc hiện nay.

V. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM.

Tiếp tục tăng cường công tác cải cách hành chính tại địa phương với mục tiêu xây dựng chính quyền hoạt động có hiệu lực, hiệu quả và kỷ luật, kỷ cương; cải thiện và nâng cao chỉ số PCI, PAPI, PAR INDEX góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, chính quyền xã đối với công tác CCHC, phải nhận thức rõ, sâu sắc về vai trò, ý nghĩa của CCHC đối với quá trình phát triển đất nước, coi CCHC thực sự là một nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội; đồng thời cũng phải xác định đây là việc làm thường xuyên, lâu dài.

- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về cải cách hành chính, tăng cường nâng cao nhận thức về công tác cải cách hành chính của cán bộ, công chức và nhân dân.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, thường xuyên rà soát, kiến nghị sửa đổi, bãi bỏ các thủ tục rườm rà, gây phiền hà cho người dân.

- Triển khai thực hiện hiệu quả mô hình một cửa, một cửa liên thông hiện đại; đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan hành chính nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính và mức độ hài lòng của người dân; tăng cường sử dụng hệ thống thư điện tử và trao đổi văn bản, tài liệu giữa các ban, ngành với nhau.

- Tiếp tục áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

- Phát huy dân chủ, thực hiện quyền giám sát của nhân dân đối với hoạt động của bộ máy hành chính, lấy sự hài lòng của người dân đối với chất lượng cung cấp dịch vụ công là thước đo hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước.

- Đổi mới tác phong, lề lối làm việc, thực hiện tốt văn hóa ứng xử nơi công cộng của cán bộ, công chức nhất là cán bộ, công chức làm nhiệm vụ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Thực hiện chuẩn mực 5 biết: “Biết chào hỏi, biết lắng nghe, biết giải thích, biết xin lỗi và biết cảm ơn”; Thực hiện văn hóa công vụ theo khẩu hiệu 04 xin “ Xin chào, xin lỗi, xin cảm ơn, xin phép” 04 luôn “ Luôn mỉm cười, luôn nhẹ nhàng, luôn lắng nghe, luôn giúp đỡ”

- Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, coi đây vừa là mục tiêu vừa là động lực của CCHC. Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, hoàn thiện các quy định về chức danh, tiêu chuẩn của từng vị trí việc làm, tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động công vụ. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bằng các hình thức phù hợp, có hiệu

quả nhằm tạo điều kiện phục vụ tốt nhất các yêu cầu chính đáng của nhân dân. Quy định rõ và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu. Có chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ và có cơ chế loại bỏ, bãi miễn những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật. Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá cán bộ, công chức hàng năm.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 23-CT/TU ngày 03/06/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định xin lỗi tổ chức, cá nhân khi giải quyết thủ tục hành chính sai sót trễ hạn trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Tiếp tục triển khai thực hiện việc gửi thư chúc mừng, thư chia buồn đến người dân đúng quy định...

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị UBND huyện quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho bộ phận một cửa cấp xã. Trang bị máy Scan chức năng khổ giấy A3 để có thể quét được các hồ sơ như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trang bị máy đọc chip căn cước công dân hoặc máy quét mã Qrcode để truy cập thông tin của công dân.

2. Đề nghị UBND huyện quan tâm thực hiện Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND, ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Phú Yên về quy định mức chi hỗ trợ đồng phục cho công chức, viên chức làm việc tại trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh và bộ phận một cửa cấp huyện cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

3. Tổ chức tập huấn cụ thể nghiệp vụ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho cán bộ, công chức xã.

UBND xã báo cáo kết quả thực hiện cải cách hành chính quý I năm 2023 để UBND huyện biết để chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:

- Phòng nội vụ huyện;
- Văn phòng UBND huyện;
- TT Đảng ủy;
- TT HĐND xã;
- CT, các PCT;
- MT, các Đoàn thể xã;
- Các ngành của UBND xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Minh Sương

PHỤ LỤC
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ

(Ban hành kèm theo Công văn số /UBND-NV ngày / 03 / 2022 của UBND huyện)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
I.	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC			
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	14	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	30	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	50	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	18	
3.	Kiểm tra CCHC			
	Số phòng, ban, đơn vị; xã, phường, thị trấn đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	1	
3.2.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100	
3.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	1	
3.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	1	
4	Thực hiện nhiệm vụ của UBND huyện giao			
	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	25	
4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	25	
4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
4.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
5.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	30	
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
6	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
II.	CẢI CÁCH THỂ CHẾ			
1.	Tổng số VBQPPL¹ do cơ quan, đơn vị tham mưu HĐND, UBND tỉnh, huyện, thị xã, thành phố ban hành	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL		0	
2.1.	Số VBQPPL đã được kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Rà soát VBQPPL		0	
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản	0	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
1.	Thống kê TTHC		125	
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	11	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	11	
2.	Kết quả giải quyết TTHC			
2.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
2.1.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
2.1.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		

¹ Văn bản quy phạm pháp luật.

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	256	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	256	
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY			
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ việc hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại cơ quan, đơn vị, địa phương	Cơ quan, đơn vị	4	
1.3.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	23	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	21	Tính luôn CA chính quy
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính (HD68)	Người		
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
V.	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ			
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
2.2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
2.3	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người		
2.4	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người		
4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)			
4.1.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG			
1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công được giao	%		
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	741	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	150	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) (nếu có) (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập	Đơn vị		
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		
VII.	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ			
1.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến (các huyện, thị xã, thành phố) <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND huyện, thành phố đến - 100% UBND các xã, phường, thị trấn.</i>	Chưa có = 0 Đã có = 1	0	
2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	100	
2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%		
2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%		
2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
3	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
3.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	7	
3.1.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	7	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.1.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	21	
3.1.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	0	
3.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	5.6	
3.2.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	7	
3.2.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	7	
3.2.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	4	
3.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%		
3.3.1	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	28	
3.3.2	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	28	
3.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	0	
3.4.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	256	
3.4.2	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	5	
3.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	0	
3.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)	Thủ tục		
3.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	0	